

當日市場：VN 指數維持在約 950 點

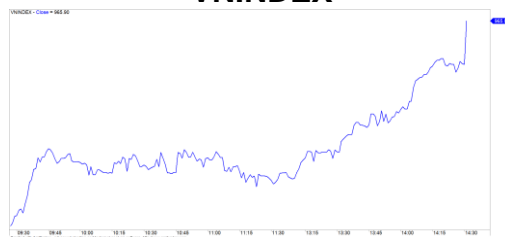
2019/12/04

市場走勢 2019/9/20

市場指數	VNI	HNI	UPCOM
收盤	965.90	102.47	55.91
%日	1.31%	1.39%	0.68%
%週	-1.25%	-0.74%	-0.20%
%月	-5.53%	-3.87%	-1.20%
%年	0.74%	-4.58%	4.78%
成交值(十億盾)			
當日	4,640	276	315
日均量/週	4,903	305	334
日均量/月	4,618	304	264
外資進出			
買進	726.63	2.08	9.40
賣出	928.69	1.04	12.01
買賣超	-202.06	1.04	-2.62
市場漲跌家數			
上漲	182	68	193
下跌	104	46	110
持平	102	255	600
市場指標			
P/E	15.64	8.92	16.79
總市值 (兆盾)	3,268	184	927
股息殖利 率	1.71%	5.19%	5.25%

資料源: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNXINDEX



市場走勢

在經歷了大幅下跌後，市場的所有指數均表現出強勁的反彈。VN 指數上漲 1.31%，收於 965.9 點。HNX 指數上漲 1.4%，收於 102.47 點，Upcom 指數也上漲 0.68%。儘管價格大幅上漲，但現金流才是關鍵，三大市場的交易價值只有近 3 兆 7 千億越南盾。

上漲趨勢是由 VPB (+ 5.6%)，CTG (+ 4.3%)，TCB (+ 4%)，STB (+ 3.6%)，VCB (+ 3.3%)，MBB (+ 3%)，ACB (+ 2.2%) 等銀行股帶領的。更值得注意的是 HDB 漲停，收於 27,300 越南盾。HDB 將回購超過 4,900 萬股為庫存股，進行時間為 2019 年 12 月 12 日至 2019 年 1 月 10 日。在最近的兩盤中，MSN 持續受到外資的強烈拋售。在晚盤時，由於 ATC 盤的支撐，MSN 收於 62,500 越南盾，縮小了-2.6%的跌幅。VNMID 指數和 VNSML 指數分別上漲 0.63%和 0.58%，中型股和小型股也受到市場的上漲趨勢的積極影響。

外資賣超超過了 2030 億越南盾，主要拋售 MSN (2445 億)，VHM (256 億) 和 VNM (211 億)。相反集中購買 DHC (237 億)，HPG (187 億)。

短線市場觀點

我們認為，市場可能會在下一盤繼續恢復並測試 VN 指數的 975 點。同時，如果下盤繼續恢復，我們認為跌勢將減弱，積極點是短期現金流有所改善，表明低價的需求有所改善。此外，現貨比例持續增加，這表明新的投資機會有所增加，但是這種趨勢仍不清楚。

我們的趨勢指標系統短期維持兩個指數的下跌趨勢，VN 指數的阻力位為 974.05 點，HNX 指數的阻力位為 103.69 點。因此，出於謹慎的考慮，投資者仍應繼續觀察市場並限制拋售現貨。同時，如果投資者接受風險，他們可以考慮以低於 30%的比例購買新股來探索市場趨勢。

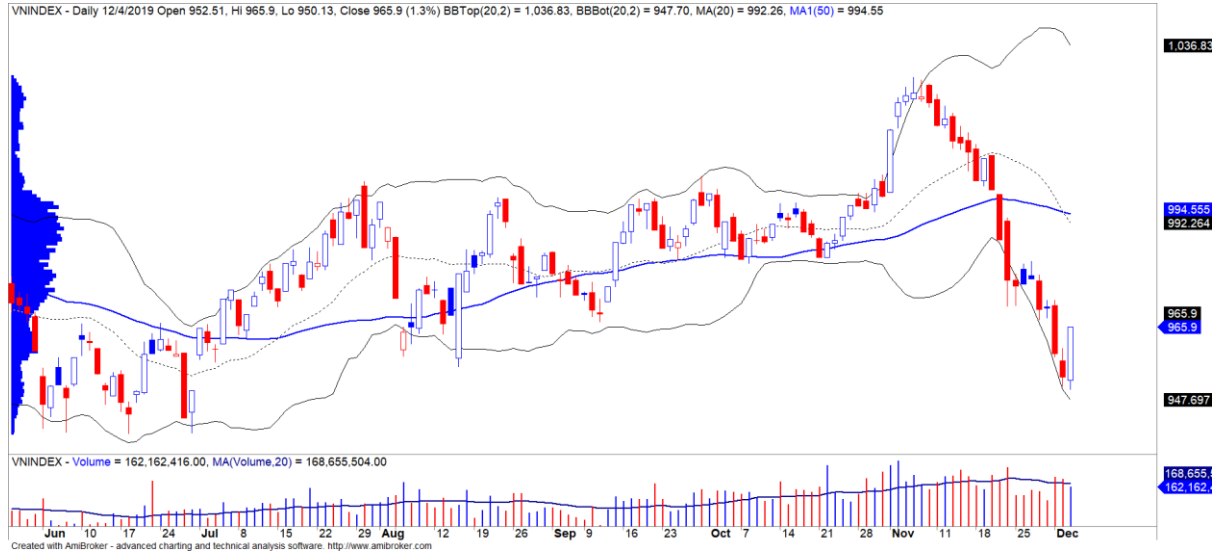
建議短線投資比重：28%股票 / 72%現金

(股票趨勢追蹤圖在下一頁內更新)



We Create Fortune

技術分析圖



指數技術分析圖 VN-Index



指數技術分析圖 HNX-Index

指數	短期趨勢	中期趨勢	阻力區 1	阻力區 2	支撐區 1	支撐區 2
VN-Index	下跌	下跌	997	1,000	988	953
HNX-Index	下跌	下跌	106	108	99	90
VN30	下跌	下跌	895	935	877	863
VNMidcaps	下跌	下跌	992	1,030	969	963
VNSmallcaps	下跌	下跌	835	845	822	804

We Create Fortune

股票趨勢追蹤表

股票	價格	短期趨勢	中期趨勢	短期買進價格	短期停損	暫計短期利潤%	短期訊號	中期買進價格	中期停損	暫計中期利潤%	中期訊號
AAA	13.85	GIẢM	GIẢM		14.64				16.24		
ACB	22.60	GIẢM	TĂNG		23.89			24.00	22.57	-5.83%	
ACV	73.80	GIẢM	GIẢM		76.19				82.57		
ANV	23.85	GIẢM	GIẢM		25.54				27.58		
ASM	6.25	GIẢM	GIẢM		6.63				7.26		
BFC	14.65	GIẢM	GIẢM		14.98				16.18		
BID	39.70	GIẢM	TĂNG		41.56			33.40	38.49	18.86%	
BMP	50.90	GIẢM	TĂNG		53.99			48.30	48.32	5.38%	
BSR	9.00	GIẢM	GIẢM		9.79				10.51		
BVH	66.70	GIẢM	GIẢM		72.08				75.79		
BWE	24.30	GIẢM	GIẢM		24.50				25.84		
CEO	9.00	GIẢM	GIẢM		9.46				10.17		
CII	22.70	GIẢM	TĂNG		24.59			24.45	22.23	-7.16%	
CMG	37.10	GIẢM	TĂNG		39.06			23.20	34.96	59.91%	
CMX	17.05	TĂNG	GIẢM	15.95	14.24	6.90%			21.36		
CSM	14.45	GIẢM	TĂNG		14.75			14.39	14.22	0.41%	
CTD	62.50	GIẢM	GIẢM		67.41				80.38		
CTG	19.60	GIẢM	GIẢM		20.90			22.00	20.78	-5.56%	BÁN
CTR	40.00	GIẢM	N/A		46.39			-	N/A		
CVT	20.15	GIẢM	GIẢM		21.64			20.35	21.01	3.25%	BÁN
DCM	6.80	GIẢM	GIẢM		7.00				7.49		
DGC	26.90	TĂNG	GIẢM	27.20	26.20	-1.10%			28.91		
DGW	23.25	GIẢM	GIẢM		24.73			23.50	24.07	2.42%	BÁN
DHA	32.10	TĂNG	GIẢM	31.85	28.64	0.78%			32.52		
DHC	42.00	TĂNG	TĂNG	33.00	38.49	27.27%		37.70	35.13	11.41%	
DHG	94.00	GIẢM	GIẢM		96.00				99.56		
DIG	13.00	GIẢM	GIẢM		13.67				15.08		
DPG	43.50	GIẢM	GIẢM		47.16				50.61		
DPM	12.80	GIẢM	GIẢM		13.61				15.14		
DPR	42.00	TĂNG	TĂNG	37.60	40.02	11.70%		41.30	40.40	1.69%	MUA
DQC	15.50	GIẢM	GIẢM		16.89				18.58		
DRC	22.80	GIẢM	TĂNG		23.34			21.60	21.72	5.56%	
DXG	13.80	GIẢM	GIẢM		15.12			15.50	14.86	-4.11%	BÁN
EIB	16.90	GIẢM	TĂNG		17.98			18.40	16.46	-8.15%	

We Create Fortune

FCN	10.00	GIẢM	GIẢM		10.35				12.09		
FMC	26.90	GIẢM	TĂNG		27.43			31.60	26.18	-14.87%	
FPT	54.50	GIẢM	GIẢM		57.96			46.00	54.99	19.54%	
GAS	97.20	GIẢM	GIẢM		102.98				109.55		
GEX	20.00	GIẢM	GIẢM		20.65				22.44		
GIL	18.70	GIẢM	GIẢM		19.39				21.85		
GMD	23.35	GIẢM	GIẢM		24.44				26.54		
GTN	21.70	TĂNG	TĂNG	21.70	21.10	0.00%	MUA	15.00	18.98	44.67%	
GVR	12.20	GIẢM	N/A		13.99				N/A		
HAG	3.61	GIẢM	GIẢM		3.96				4.55		
HAX	17.60	GIẢM	GIẢM		18.56				21.20		
HBC	11.35	GIẢM	GIẢM		11.61				13.10		
HCM	23.20	GIẢM	TĂNG		24.59			23.40	22.58	-0.85%	
HDB	25.55	GIẢM	GIẢM		27.29			28.00	27.29	-2.55%	BÁN
HDC	21.00	GIẢM	TĂNG		23.31			15.25	20.25	37.70%	
HDG	31.60	GIẢM	GIẢM		34.55			35.30	32.61	-7.62%	
HNG	14.45	GIẢM	GIẢM		14.96				16.29		
HPG	23.45	TĂNG	GIẢM	23.45	22.95	0.00%	MUA		23.82		
HSG	8.01	GIẢM	TĂNG		8.13			7.75	6.90	3.35%	
HT1	14.95	GIẢM	TĂNG		15.08			16.90	13.91	-11.54%	
HUT	2.50	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	4.17%			2.71		
HVN	35.40	TĂNG	GIẢM	34.95	33.57	1.29%			36.93		
KBC	14.60	GIẢM	TĂNG	14.90	15.09	1.27%	BÁN	15.35	13.91	-4.89%	
KDH	26.55	GIẢM	TĂNG		26.73			24.00	24.58	10.63%	
KSB	16.90	GIẢM	GIẢM		18.02				20.16		
LCG	8.00	GIẢM	GIẢM		8.63				9.32		
LDG	8.50	GIẢM	GIẢM		9.15				11.19		
LHG	15.30	GIẢM	GIẢM		16.03				16.89		
LPB	7.40	GIẢM	GIẢM		7.97				8.13		
MBB	21.55	GIẢM	GIẢM		22.70			21.85	21.83	-0.10%	
MPC	18.70	GIẢM	GIẢM		19.90				25.62		
MSN	64.20	GIẢM	GIẢM		72.39				78.75		
MSR	14.50	GIẢM	GIẢM		15.56				17.20		
MWG	109.20	GIẢM	GIẢM		113.12				127.09		
NDN	16.60	GIẢM	TĂNG		16.88			13.70	16.27	21.17%	
NKG	6.20	GIẢM	GIẢM		6.30				6.45		
NLG	27.50	GIẢM	TĂNG		28.29			28.70	26.73	-4.18%	
NT2	22.55	GIẢM	GIẢM		23.02				24.51		
NTL	22.65	GIẢM	GIẢM		24.02				24.88		



We Create Fortune

NVL	56.20	GIẢM	GIẢM		58.34				62.41		
OIL	9.00	GIẢM	GIẢM		9.70				11.12		
PAC	27.05	GIẢM	GIẢM		27.15				29.55		
PC1	17.65	GIẢM	GIẢM		18.92			19.30	18.48	-4.25%	BÁN
PDR	26.40	TĂNG	TĂNG	26.40	26.30	0.00%	MUA	29.00	25.01	-8.97%	
PHR	54.60	GIẢM	GIẢM	59.80	58.18	-2.71%	BÁN		65.37		
PLX	55.90	GIẢM	GIẢM		59.21				61.98		
PNJ	81.00	GIẢM	TĂNG		83.52			104.00	78.71	-22.12%	
POW	12.40	GIẢM	GIẢM		13.33				13.98		
PVT	16.70	GIẢM	TĂNG		17.78			18.30	16.28	-8.74%	
PPC	27.30	TĂNG	GIẢM	28.30	26.75	-3.53%			28.36		
PTB	72.80	GIẢM	TĂNG		74.81			64.00	68.51	13.75%	
PVB	19.00	GIẢM	TĂNG		19.67			20.10	18.62	-5.47%	
PVD	14.85	GIẢM	GIẢM		15.87				18.05		
PVI	31.40	TĂNG	GIẢM	33.20	31.14	-5.42%			34.84		
PVS	16.90	GIẢM	GIẢM		17.91				20.66		
PXS	5.68	TĂNG	TĂNG	4.76	5.61	19.33%		6.20	4.83	-8.39%	
QNS	29.60	GIẢM	TĂNG		30.23			33.80	28.38	-12.43%	
REE	35.70	GIẢM	TĂNG		37.46			33.33	35.23	7.13%	
SAB	229.10	GIẢM	GIẢM		240.04				269.11		
SAM	8.08	GIẢM	TĂNG		8.14			7.40	7.58	9.19%	
SCR	5.71	GIẢM	GIẢM		5.84				6.17		
SHI	8.93	GIẢM	TĂNG		9.22			6.99	8.30	27.75%	
SJS	16.10	GIẢM	GIẢM		17.90				16.88		
SKG	11.05	GIẢM	GIẢM		11.33				11.70		
SSI	19.30	GIẢM	GIẢM		20.39				22.27		
STB	9.75	GIẢM	GIẢM		10.43				11.09		
TCB	22.55	GIẢM	GIẢM		23.72			22.65	23.03	1.69%	BÁN
TCM	19.25	GIẢM	GIẢM		20.58				22.91		
TDH	9.65	GIẢM	GIẢM		10.10				11.30		
TLH	4.30	TĂNG	GIẢM	4.06	4.09	5.91%			4.43		
TNG	15.00	TĂNG	GIẢM	15.10	14.47	-0.66%			16.69		
VCB	82.00	GIẢM	GIẢM		88.18			62.00	84.02	35.51%	
VCG	27.10	TĂNG	TĂNG	27.00	26.57	0.37%		19.20	25.21	41.15%	
VCS	76.40	GIẢM	GIẢM		83.69				99.68		
VGC	18.35	GIẢM	GIẢM		18.87				19.90		
VGT	8.10	GIẢM	GIẢM		8.48				9.29		
VHC	79.00	TĂNG	GIẢM	78.40	75.65	0.77%			85.35		
VHM	91.80	GIẢM	TĂNG		95.20			90.20	89.66	1.77%	

We Create Fortune

VIB	16.60	GIẢM	TĂNG		17.67			17.70	16.56	-6.21%	
VIC	115.00	GIẢM	TĂNG		118.10			112.00	113.76	2.68%	
VIP	5.00	GIẢM	GIẢM		5.09				5.30		
VJC	145.40	TĂNG	TĂNG	139.40	143.49	4.30%		124.50	137.02	16.79%	
VND	13.80	TĂNG	GIẢM	14.10	13.72	-2.13%			14.88		
VNG	22.00	TĂNG	GIẢM	21.30	20.77	3.29%			22.34		
VNM	116.40	GIẢM	GIẢM		124.30				132.88		
VPB	18.70	GIẢM	GIẢM		20.64				22.57		
VPI	41.00	GIẢM	TĂNG		42.10			41.30	39.68	-0.73%	
VRC	23.00	TĂNG	TĂNG	16.05	21.42	43.30%		17.30	16.55	32.95%	
VRE	34.00	GIẢM	TĂNG		35.05			35.05	32.08	-3.00%	
VSC	23.65	GIẢM	GIẢM		25.19				27.86		

LARGECAPS 大型股票趨勢追蹤表

股票	價格	短期趨勢	中期趨勢	短期買進價格	短期停損	暫計短期利潤%	短期訊號	中期買進價格	中期停損	暫計中期利潤%	中期訊號
ACB	23.10	GIẢM	TĂNG		23.69			24.00	22.57	-3.75%	
BID	40.35	GIẢM	TĂNG		41.27			33.40	38.49	20.81%	
BSR	9.20	GIẢM	GIẢM		9.64				10.51		
BVH	66.80	GIẢM	GIẢM		70.23				75.79		
CTG	20.45	GIẢM	GIẢM		20.55			22.00	20.78	-5.56%	BÁN
FPT	55.40	GIẢM	TĂNG		56.79			40.23	54.99	37.72%	
GAS	99.30	GIẢM	GIẢM		101.89				109.55		
GEX	20.00	GIẢM	GIẢM		20.48				22.44		
GVR	12.60	GIẢM	N/A		13.50				N/A		
HDB	27.30	TĂNG	TĂNG	27.30	26.79	0.00%	MUA	28.00	27.29	-2.50%	BÁN
HNG	14.50	GIẢM	GIẢM		14.96				16.29		
HPG	23.45	TĂNG	GIẢM	23.45	22.32	0.00%			23.82		
HVN	35.50	TĂNG	GIẢM	34.95	33.66	1.57%			36.93		
KDH	26.75	TĂNG	TĂNG	26.75	26.73	0.00%	MUA	24.00	24.58	11.46%	
MBB	22.20	GIẢM	TĂNG		22.26			19.72	21.83	12.58%	
MSN	62.50	GIẢM	GIẢM		70.06				78.75		
MWG	113.00	GIẢM	GIẢM		113.12				127.09		
NVL	56.40	GIẢM	GIẢM		57.70				62.41		
OIL	9.60	GIẢM	GIẢM		9.61				11.12		
PLX	57.00	GIẢM	GIẢM		58.09				61.98		
PNJ	82.40	GIẢM	TĂNG		82.79			77.07	78.71	6.91%	

We Create Fortune

POW	12.70	GIẢM	GIẢM		13.03				13.98		
QNS	29.50	GIẢM	TĂNG		30.23			33.26	28.38	-11.30%	
REE	36.30	GIẢM	TĂNG		37.19			33.33	35.23	8.93%	
ROS	24.20	GIẢM	GIẢM		25.39				27.61		
SBT	18.55	GIẢM	TĂNG		18.78			17.50	17.46	6.00%	
SSI	19.80	GIẢM	GIẢM		20.10				22.27		
STB	10.10	GIẢM	GIẢM		10.28				11.09		
TCB	23.45	TĂNG	TĂNG	23.45	23.44	0.00%	MUA	22.65	23.03	3.53%	BÁN
TPB	21.90	GIẢM	GIẢM		22.29				23.94		
VCB	84.70	GIẢM	TĂNG		86.91			62.00	84.02	36.61%	
VCG	27.10	TĂNG	TĂNG	27.00	26.57	0.37%		18.44	25.21	46.95%	
VCS	78.70	GIẢM	GIẢM		80.64				99.68		
VEA	47.60	GIẢM	GIẢM		49.93				59.45		
VGI	25.30	GIẢM	N/A		27.15				N/A		
VHM	91.80	GIẢM	TĂNG		94.81			89.13	89.66	3.00%	
VIB	17.00	GIẢM	TĂNG		17.67			15.00	16.56	13.30%	
VIC	115.50	GIẢM	TĂNG		118.10			112.00	113.76	3.13%	
VJC	145.50	TĂNG	TĂNG	139.40	143.49	4.38%		124.50	137.02	16.87%	
VNM	118.80	GIẢM	GIẢM		121.35				132.88		
VPB	19.75	GIẢM	GIẢM		19.96				22.57		
VRE	34.10	GIẢM	TĂNG		35.05			35.05	32.08	-2.71%	

MIDCAPS 中型股票趨勢追蹤表

股票	價格	短期趨勢	中期趨勢	短期買進價格	短期停損	暫計短期利潤%	短期訊號	中期買進價格	中期停損	暫計中期利潤%	中期訊號
AAA	13.90	GIẢM	GIẢM		14.53				16.24		
ANV	22.35	GIẢM	GIẢM		25.15				27.58		
ASM	6.46	GIẢM	GIẢM		6.57				7.26		
BMI	25.70	GIẢM	TĂNG		26.78			26.70	23.99	-3.75%	
BMP	49.70	GIẢM	TĂNG		51.13			48.30	48.32	2.90%	
BWE	24.30	GIẢM	GIẢM		24.50				25.84		
CEO	8.90	GIẢM	GIẢM		9.37				10.17		
CII	22.70	GIẢM	TĂNG		24.32			24.45	22.23	-7.16%	
CRE	24.05	GIẢM	GIẢM		24.40				25.39		
CTI	22.30	GIẢM	GIẢM		23.30			25.05	22.66	-9.54%	
CTR	41.00	GIẢM	GIẢM		44.26				53.42		
D2D	75.00	GIẢM	TĂNG		80.66			83.10	73.17	-9.75%	



We Create Fortune

DBD	58.00	GIẢM	TĂNG		60.58			38.65	54.36	50.06%	
DCM	6.80	GIẢM	GIẢM		6.97				7.49		
DGW	23.75	GIẢM	GIẢM		24.40			23.04	24.07	4.47%	BÁN
DHC	42.20	TĂNG	TĂNG	33.00	39.72	27.88%		37.70	35.13	11.94%	
DIG	13.35	GIẢM	GIẢM		13.67				15.08		
DPG	44.00	GIẢM	GIẢM		46.25				50.61		
DPM	12.80	GIẢM	GIẢM		13.51				15.14		
DRC	22.90	GIẢM	TĂNG		23.34			21.60	21.72	6.02%	
DXG	14.00	GIẢM	GIẢM		14.93			15.50	14.86	-4.11%	BÁN
E1VFN30	14.75	GIẢM	GIẢM		14.94			15.26	14.84	-2.74%	BÁN
FCN	10.00	GIẢM	GIẢM		10.35				12.09		
FLC	4.58	TĂNG	TĂNG	4.61	4.31	-0.65%		4.63	4.02	-1.08%	
GEG	27.65	TĂNG	TĂNG	28.10	27.46	-1.60%		12.50	25.77	121.16%	
GMD	23.50	GIẢM	GIẢM		24.09				26.54		
GTN	21.05	TĂNG	TĂNG	21.70	20.08	-3.00%		15.00	18.98	40.33%	
HAG	3.63	GIẢM	GIẢM		3.83				4.55		
HBC	11.30	GIẢM	GIẢM		11.61				13.10		
HCM	24.15	GIẢM	TĂNG		24.54			23.40	22.58	3.21%	
HDC	21.60	GIẢM	TĂNG		22.79			15.25	20.25	41.64%	
HDG	31.60	GIẢM	GIẢM		33.86			35.30	32.61	-7.62%	
HPX	26.30	TĂNG	#N/A	27.50	25.87	-4.36%		35.30	#N/A	#N/A	
HSG	8.10	GIẢM	TĂNG		8.13			7.75	6.90	4.52%	
HT1	14.80	GIẢM	TĂNG		15.08			16.90	13.91	-12.43%	
HTM	16.00	TĂNG	GIẢM	16.00	14.84	0.00%			18.47		
IBC	20.30	GIẢM	GIẢM		20.86				21.22		
IDI	5.19	GIẢM	GIẢM		5.33			7.53	5.22	-30.66%	
IJC	14.90	GIẢM	TĂNG		15.71			13.10	13.74	13.74%	
ITA	2.95	GIẢM	GIẢM		3.13			3.20	2.96	-7.50%	
KBC	14.75	GIẢM	TĂNG	14.90	15.63	4.89%	BÁN	14.85	13.91	-0.65%	
KDC	19.30	GIẢM	TĂNG		20.11			21.90	18.08	-11.87%	
KOS	28.30	TĂNG	TĂNG	26.80	26.82	5.60%		26.30	25.20	7.60%	
KSB	16.90	GIẢM	GIẢM		17.91				20.16		
LDG	8.90	GIẢM	GIẢM		9.15				11.19		
LPB	7.40	GIẢM	GIẢM		7.78				8.13		
MBG	35.80	GIẢM	GIẢM		39.12				56.66		
MBS	15.40	TĂNG	GIẢM	14.70	14.18	4.76%			15.75		
MPC	18.40	GIẢM	GIẢM		19.90				25.62		
NBB	20.35	GIẢM	GIẢM	20.85	20.44	-1.95%	BÁN		22.02		



We Create Fortune

NKG	6.22	GIẢM	GIẢM		6.30			6.45		
NLG	27.55	GIẢM	TĂNG		28.26		26.28	26.73	4.83%	
NT2	22.55	GIẢM	GIẢM		23.02			24.51		
NTL	23.05	GIẢM	GIẢM		24.02			24.88		
NVB	9.10	TĂNG	TĂNG	7.60	8.78	19.74%	8.50	8.20	7.06%	
OGC	3.51	GIẢM	GIẢM		3.79			4.27		
PC1	18.40	GIẢM	GIẢM		18.60		19.30	18.48	-4.25%	BÁN
PDR	27.00	TĂNG	TĂNG	26.40	25.58	2.27%	23.59	25.01	14.43%	
PHR	55.00	GIẢM	GIẢM		57.32			65.37		
PPC	27.35	TĂNG	GIẢM	28.30	26.75	-3.36%		28.36		
PTB	73.60	GIẢM	TĂNG		74.81		60.78	68.51	21.09%	
PVD	15.20	GIẢM	GIẢM		15.68			18.05		
PVI	31.40	TĂNG	GIẢM	33.20	31.14	-5.42%		34.84		
PVS	17.20	GIẢM	GIẢM		17.79			20.66		
PVT	16.80	GIẢM	TĂNG		17.61		17.31	16.28	-2.92%	
QCG	4.17	GIẢM	GIẢM		4.47			5.06		
SCR	6.10	TĂNG	GIẢM	6.10	5.84	0.00%	MUA	6.17		
SGP	7.80	GIẢM	GIẢM		8.24			10.69		
SHB	6.10	GIẢM	GIẢM		6.33			6.86		
SHS	7.80	GIẢM	TĂNG		8.15		8.40	7.36	-7.14%	
SZC	16.50	GIẢM	#N/A		17.48			#N/A		
TCH	29.00	TĂNG	TĂNG	23.30	26.88	24.46%	26.15	22.98	10.90%	
TCM	19.50	GIẢM	GIẢM		20.20			22.91		
TDH	9.72	GIẢM	GIẢM		10.04			11.30		
TNG	15.10	TĂNG	GIẢM	15.10	14.47	0.00%		16.69		
TTB	5.90	GIẢM	GIẢM		7.90			14.61		
VGC	18.40	GIẢM	GIẢM		18.87			19.90		
VGT	8.10	GIẢM	GIẢM		8.48			9.29		
VHC	79.10	TĂNG	GIẢM	78.40	76.14	0.89%		85.35		
VND	13.85	TĂNG	GIẢM	14.10	13.72	-1.77%		14.88		
VNG	21.90	TĂNG	GIẢM	21.30	20.84	2.82%		22.34		
VPI	41.60	GIẢM	TĂNG		42.10		41.30	39.68	0.73%	

We Create Fortune

SMALLCAPS 小型股票趨勢追蹤表

股票	價格	短期趨勢	中期趨勢	短期買進價格	短期停損	暫計短期利潤%	短期訊號	中期買進價格	中期停損	暫計中期利潤%	中期訊號
AAV	8.50	GIẢM	GIẢM		8.74				9.89		
AGR	3.55	GIẢM	GIẢM		3.82				4.55		
AMD	1.96	TĂNG	TĂNG	1.77	1.66	10.73%		1.70	1.47	15.29%	
APG	9.90	TĂNG	TĂNG	8.76	9.35	13.01%		9.90	8.56	0.00%	
ART	2.20	TĂNG	GIẢM	2.00	1.98	10.00%			2.25		
BCG	8.20	GIẢM	TĂNG		8.81			6.39	7.47	28.33%	
C4G	5.50	GIẢM	GIẢM		5.99				7.52		
C69	10.00	GIẢM	GIẢM		12.03				19.39		
CCL	7.30	TĂNG	GIẢM	6.80	6.91	7.35%		7.88	7.83	-0.69%	MUA
CVT	20.50	GIẢM	GIẢM		21.40			20.35	21.01	3.25%	BÁN
DAH	9.71	GIẢM	GIẢM		9.97				11.27		
DLG	1.47	GIẢM	GIẢM		1.58				1.65		
DRH	4.44	GIẢM	GIẢM		4.89				6.06		
DTD	11.10	GIẢM	GIẢM		12.05				14.33		
EVG	2.68	TĂNG	GIẢM	2.78	2.65	-3.60%			2.90		
FIT	5.70	TĂNG	TĂNG	4.49	4.96	26.95%		3.64	3.79	56.59%	
FTM	2.76	TĂNG	GIẢM	3.06	2.72	-9.80%			5.42		
FUES SV50	12.80	GIẢM	GIẢM		12.93				13.68		
GKM	15.20	TĂNG	GIẢM	15.00	14.91	1.33%			15.51		
HAH	12.30	GIẢM	GIẢM		12.90				14.24		
HAI	2.89	TĂNG	TĂNG	1.69	2.26	71.01%		1.88	1.86	53.72%	
HAR	3.95	GIẢM	TĂNG		3.97			3.90	3.28	1.28%	
HDA	10.60	GIẢM	GIẢM		11.08				12.03		
HHP	11.80	TĂNG	GIẢM	12.20	11.54	-3.28%			13.51		
HHS	3.11	GIẢM	TĂNG	3.29	3.16	-4.06%	BÁN	3.36	2.94	-7.44%	
HID	2.19	GIẢM	TĂNG		2.38			2.63	2.16	-16.73%	
HII	9.99	GIẢM	GIẢM		10.41				11.61		
HQC	1.00	GIẢM	GIẢM		1.04				1.18		
HSL	7.58	GIẢM	GIẢM		7.84				8.88		
HUT	2.50	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	4.17%			2.71		
HVG	8.77	TĂNG	TĂNG	7.82	7.73	12.15%		3.90	6.00	124.87%	
HVH	17.55	TĂNG	GIẢM	18.20	17.48	-3.57%			20.24		
IDJ	6.80	GIẢM	TĂNG		7.37			7.20	5.42	-5.56%	
JVC	4.43	TĂNG	GIẢM	4.35	4.08	1.84%			4.75		

We Create Fortune

KLF	1.50	TĂNG	TĂNG	1.40	1.11	7.14%		1.48		
LCG	8.11	GIẢM	GIẢM		8.58			9.32		
LGL	8.95	GIẢM	TĂNG		9.39		7.11	8.39	25.82%	
LHG	15.30	GIẢM	GIẢM		15.87			16.89		
LMH	12.50	GIẢM	#N/A		12.79			#N/A		
MST	5.10	TĂNG	TĂNG	3.80	4.23	34.21%	3.40	3.40	50.00%	
NDN	16.70	GIẢM	TĂNG		16.88		13.10	16.27	27.44%	
PHC	11.35	GIẢM	TĂNG		11.89		14.20	11.21	-20.07%	
PLP	10.00	GIẢM	GIẢM		10.28			11.73		
PVB	19.00	GIẢM	TĂNG		19.60		19.42	18.62	-2.15%	
PVC	7.20	GIẢM	TĂNG		7.49		6.70	6.66	7.46%	
PVX	1.10	GIẢM	GIẢM		1.37			1.50		
PXL	8.40	TĂNG	TĂNG	5.50	7.94	52.73%	6.70	5.73	25.37%	
SHI	8.93	GIẢM	TĂNG		9.22		5.77	8.30	54.90%	
SJF	2.20	GIẢM	GIẢM		2.39			2.79		
SPP	2.00	GIẢM	GIẢM		2.20			2.86		
TDC	8.22	GIẢM	GIẢM		8.55		7.05	8.48	20.20%	BÁN
TIG	6.50	TĂNG	TĂNG	6.20	5.99	4.84%	3.20	4.54	103.13%	
TLH	4.30	TĂNG	GIẢM	4.06	4.09	5.91%		4.43		
TNA	24.75	TĂNG	TĂNG	13.70	21.87	80.66%	11.45	17.76	116.14%	
TNI	10.70	TĂNG	GIẢM	10.20	10.36	4.90%	10.90	10.89	-0.06%	MUA
TSC	2.58	GIẢM	GIẢM		2.89			4.10		
TTF	2.82	TĂNG	GIẢM	2.95	2.75	-4.41%		3.21		
TTH	2.60	GIẢM	GIẢM		2.81			3.15		
TVC	16.70	TĂNG	TĂNG	16.90	16.46	-1.18%	14.30	14.38	16.78%	
VC3	17.00	GIẢM	TĂNG	16.50	17.06	3.41%	BÁN	22.00	16.32	-22.73%
VCR	14.70	TĂNG	GIẢM	14.60	12.68	0.68%		20.06		
VNA	3.60	GIẢM	GIẢM		4.19		4.70	3.92	-16.50%	
VNE	3.55	GIẢM	GIẢM		3.66			3.70		
VRC	23.20	TĂNG	TĂNG	16.05	21.44	44.55%	17.30	16.55	34.10%	



We Create Fortune

胡志明市交易所 (HSX)

	收盤	漲跌%
VNI	965.9	1.31%
VN30	883.56	1.71%
VN Mid	945.22	0.63%
VN Small	782.03	0.58%

河內交易所 (HSX)

	收盤	漲跌%
HNI	102.47	1.39%
HN30	179.65	1.17%
VNX AllSh	854.39	1.34%

UPCOM 市場 (UPCoM)

	收盤	漲跌%
UPCoM	55.91	0.68%

外資交易	成交值(十億盾)	
買進	726.63	
賣出	928.69	
買超/賣超	-202.06	

外資交易	成交值(十億盾)	
買進	2.08	
賣出	1.04	
買超/賣超	1.04	

外資交易	成交值(十億盾)	
買進	9.40	
賣出	12.01	
買超/賣超	-2.62	

上漲排名/股碼	漲跌(VND)	漲跌%
HDB	1750	6.85%
SCR	390	6.83%
VPB	1050	5.61%
LDG	400	4.71%
TNA	1050	4.43%

上漲排名/股碼	漲跌(VND)	漲跌%
MBG	3200	9.82%
NET	3600	9.33%
VCS	2300	3.01%
ACB	500	2.21%
PVS	300	1.78%

上漲排名/股碼	漲跌(VND)	漲跌%
OIL	500	5.49%
PXL	300	3.70%
MCH	2900	3.66%
VGI	800	3.27%
BSR	200	2.22%

下跌排名/股碼	漲跌(VND)	漲跌%
ANV	-1500	-6.29%
DCL	-800	-3.29%
GTN	-650	-3.00%
MSN	-1700	-2.65%
IBC	-500	-2.40%

下跌排名/股碼	漲跌(VND)	漲跌%
TVC	-300	-1.76%
CEO	-100	-1.11%
NTP	-300	-0.94%
VC3	-100	-0.58%
PVI	0	0.00%

下跌排名/股碼	漲跌(VND)	漲跌%
NHH	-800	-1.75%
MPC	-300	-1.60%
QNS	-100	-0.34%
VEA	-100	-0.21%
PRT	0	0.00%

*備註：市值>5,000 億盾；成交值>15 億盾

市值排名/股碼	十億盾
VIC	394,443
VHM	307,485
VCB	304,128
VNM	202,696
GAS	186,036

市值排名/股碼	十億盾
ACB	37,437
VCS	12,224
VCG	11,970
PVS	8,078
PVI	7,257

市值排名/股碼	十億盾
ACV	161,065
VGI	74,522
VEA	63,436
MCH	55,897
GVR	49,796

交易量排名/股碼	成交值	30 日均
ROS	43,143,890	31,236,707
VPB	9,041,040	3,873,050
VRE	6,786,290	5,739,588
HPG	6,117,700	7,629,955
SCR	5,992,670	3,686,928

交易量排名/股碼	成交值	30 日均
KLF	4,380,445	716,518
ART	1,851,316	807,855
SHB	1,607,587	2,643,138
NVB	1,521,200	1,520,230
ACB	1,314,925	2,019,656

交易量排名/股碼	成交值	30 日均
T12	7,200,200	684,386
OIL	1,921,700	379,339
BSR	1,904,333	2,112,726
PRT	1,400,000	191,945
DCR	682,500	31,091

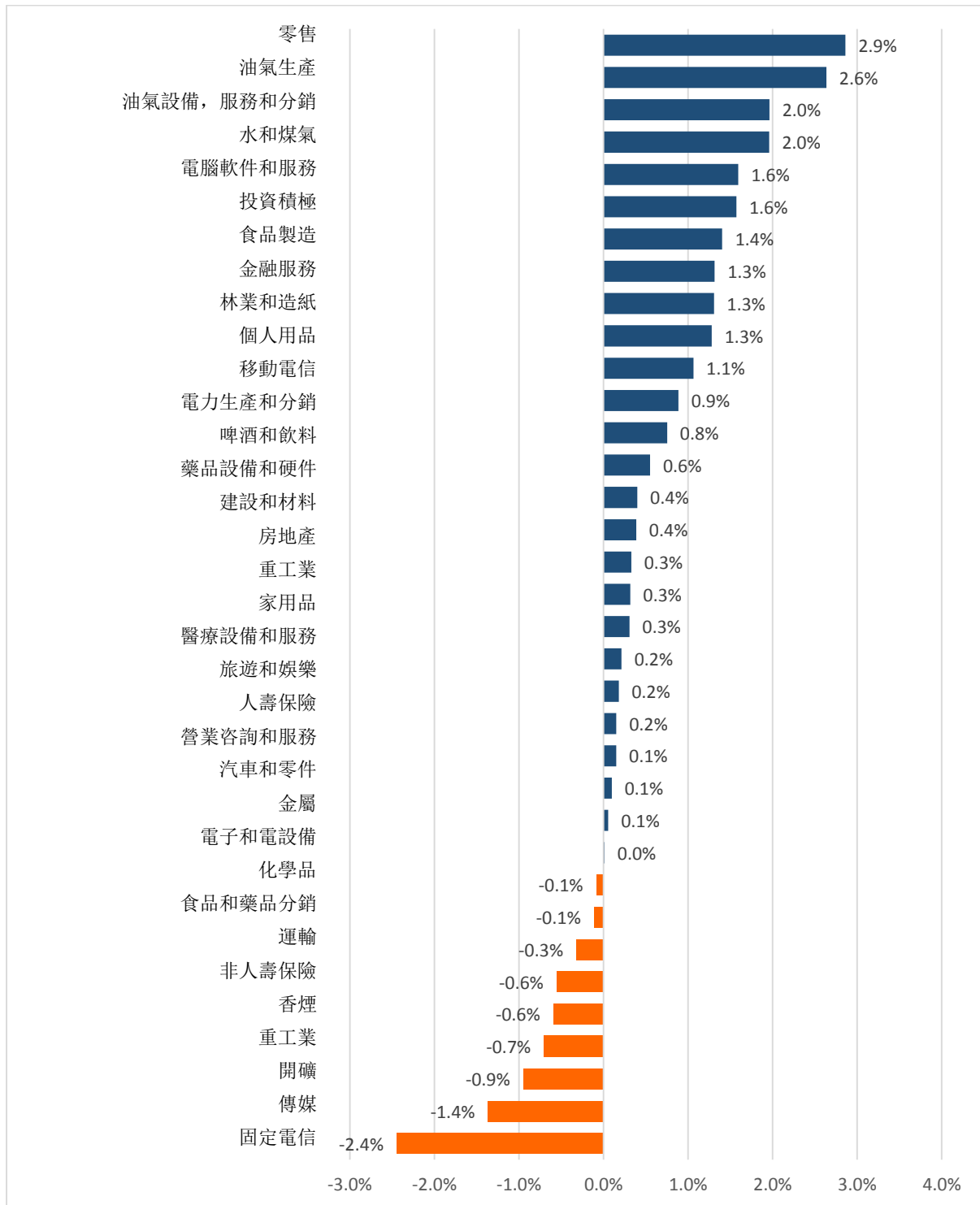
資料源: Bloomberg & Yuanta Research

資料源: Bloomberg & Yuanta Research

資料源: Bloomberg & Yuanta Research

We Create Fortune

各行業板塊的交易走勢



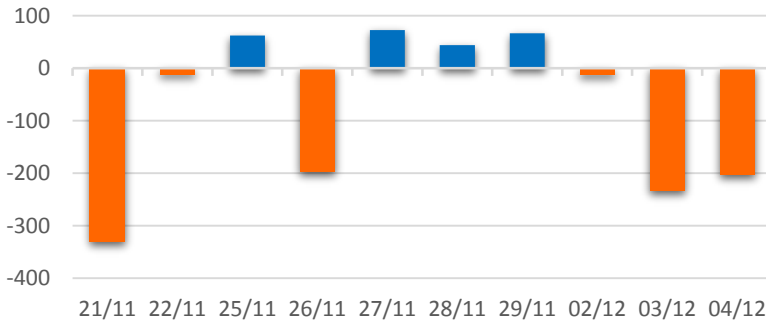
資料源: FiinPro - YSVN



We Create Fortune

外資買進賣統計

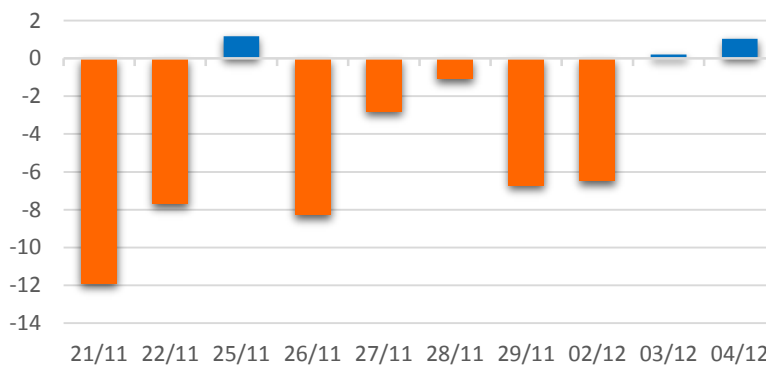
HSX 外資每日買/賣超



證券代碼	買超金額 (百萬盾)	證券代碼	賣超金額 (百萬盾)
DHC	23,723	MSN	244,527
HPG	18,786	VHM	25,609
CTG	16,975	VNM	21,112
HDB	13,115	PVD	11,308
KDH	7,112	VRE	8,100

HSX 外資買/賣超的前 5 名

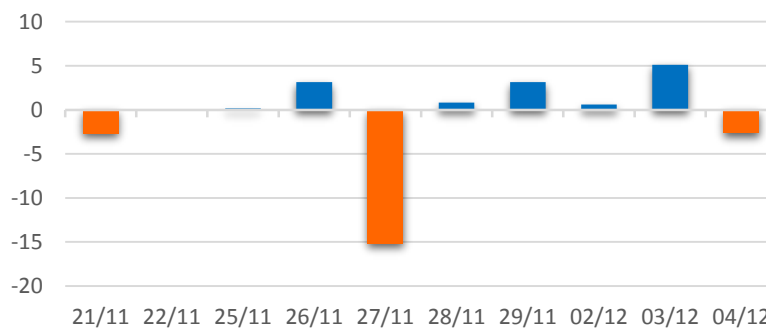
HNX 外資每日買/賣超



證券代碼	買超金額 (百萬盾)	證券代碼	賣超金額 (百萬盾)
SHB	801	INN	253
SLS	418	DGC	185
TIG	268	LHC	62
VMC	98	SHS	58
HCC	76	PVS	44

HNX 外資買/賣超的前 5 名

UPCOM 外資每日買/賣超



證券代碼	買超金額 (百萬盾)	證券代碼	賣超金額 (百萬盾)
VTP	2,815	VEA	3,049
LPB	2,028	ACV	2,509
QNS	1,401	HND	2,445
GVR	855	BSR	2,203
SKH	134	OIL	662

UPCOM 外資買/賣超的前 5 名

源: FiinPro – YSVN

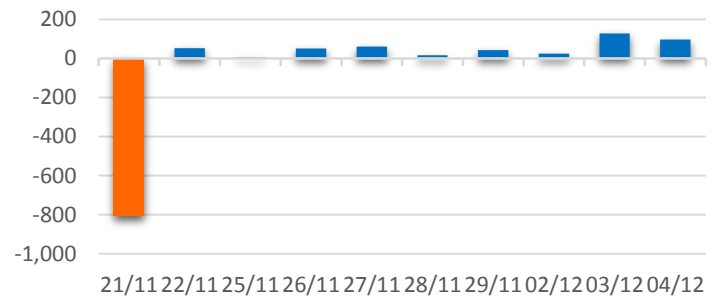
We Create **Fortune**

自營進出統計

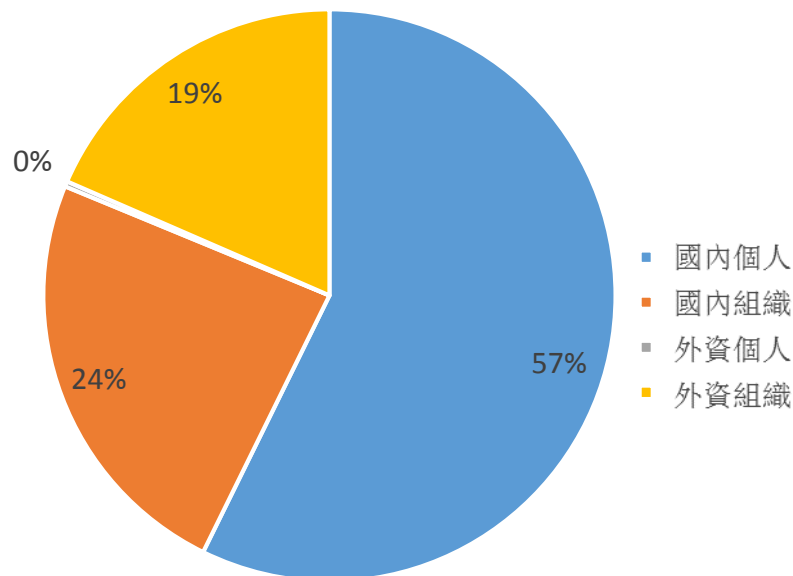
證券代碼	買超金額 (百萬盾)	證券代碼	賣超金額 (百萬盾)
MSN	21,158	FPT	6,543
MBB	18,324	MWG	6,084
MWG	13,079	HPG	5,825
VNM	12,436	KDH	4,893
COM	10,640	MSN	3,829

券商自營交易最大前名

券商自營交易每日買/賣超 (bil.VND)



越南證券市場投資人類別統計

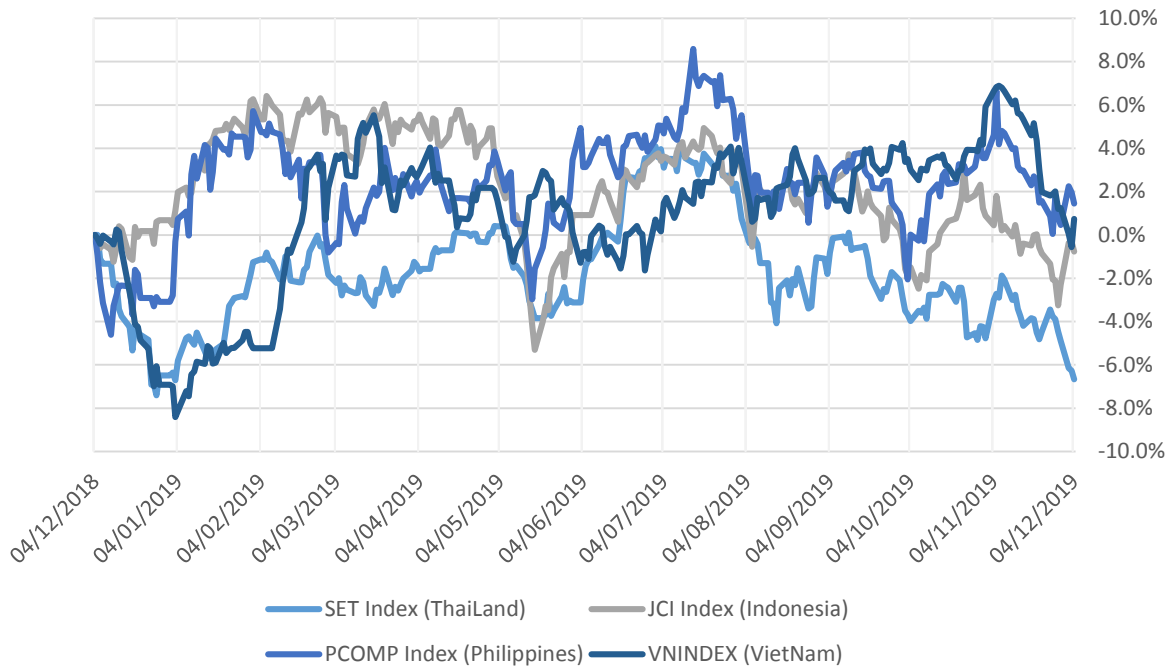


資料源: FiiPro - YSVN



We Create Fortune

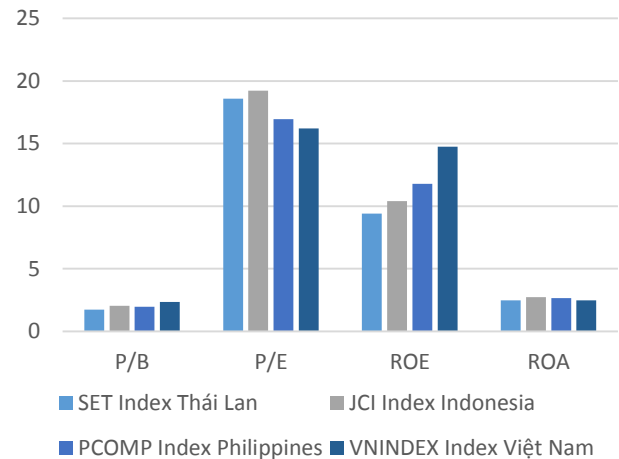
東南亞主要市場走勢比較



東南亞主要市場數據

		Thailand	Indonesia	Philippines	Vietnam
P/B		1.7x	2.1x	2.0x	2.3x
P/E		18.6x	19.2x	17.0x	15.6x
ROE	%	9.29	10.58	11.79	14.75
ROA	%	2.44	2.78	2.66	2.47
Vốn hóa	Tỷ USD	543.36	501.48	192.51	141.09
GTGD	Triệu USD	1.50	0.33	0.06	0.15
LS cổ tức	%	3.20	2.44	1.59	2.10

源: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

元大證券（越南）公司

個人客戶分析部

Nguyễn Th ê Minh

研究分析經理

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

高級分析專員

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

高級分析專員

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

分析專員

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

個人客戶業務部

Nguyễn Thanh Tùng

總公司業務經理

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

華人客戶部經理

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Qu ê

堤岸分行經理

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

河內分行經理

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

平陽分行經理

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

同奈分行經理

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

河內南部營業中心經理

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

峴港分行經理

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written